

Triển vọng thương mại hàng hóa Việt Nam từ nay tới năm 2015

Là thành viên của Khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA), Việt Nam sẽ đón nhận nhiều cơ hội do ACFTA mang lại. Vấn đề đặt ra là liệu Việt Nam có thể tận dụng lợi thế của mình và giảm thiểu những tác động tiêu cực do Hiệp định mang lại, nhất là khi thực hiện đầy đủ các cam kết như các nước khác. Việc đánh giá và dự báo những tác động kể cả tiêu cực và tích cực của ACFTA đối với triển vọng thương mại, nhất là thương mại hàng hóa của Việt Nam từ nay đến năm 2015 là rất quan trọng để có những giải pháp, chính sách phù hợp, để cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam có thể tồn tại, và phát triển, thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng và phát triển bền vững.

TS. LƯƠNG VĂN KHÔI VÀ NHÓM NGHIÊN CỨU
BAN KINH TẾ THẾ GIỚI

Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế-xã hội

Tổng quan về việc tham gia ACFTA trong lĩnh vực thương mại hàng hóa của Việt Nam

Về tổng thể, lộ trình cắt giảm, tiến tới xoá bỏ thuế quan trong khuôn khổ ACFTA được thiết kế riêng cho 2 nhóm là ASEAN-6 (6 nước gia nhập ASEAN cũ) cùng Trung Quốc và nhóm CLMV (4 nước gia nhập ASEAN mới bao gồm Campuchia, Lào, Mianma và Việt Nam) đối với 3 Danh mục hàng hoá (Danh mục theo

Chương trình thu hoạch sớm (EHP), Danh mục thông thường và Danh mục nhạy cảm) (Bảng 1).

Tham gia ACFTA sẽ đem lại nhiều cơ hội cho Việt Nam như tiếp cận thị trường rộng lớn, tiềm năng; thúc đẩy thương mại Việt Nam với Trung Quốc và ASEAN; và chuyển dịch cơ cấu thương mại và cải cách hệ thống pháp lý cho phù hợp với cơ chế thị trường. Tuy nhiên, cũng có nhiều thách thức như áp lực nhập siêu tăng cao, đặc biệt là

BẢNG 1: LỘ TRÌNH GIẢM THUẾ QUAN TRONG ACFTA

Danh mục	Thuế suất cuối cùng	Thời hạn thực hiện	
		ASEAN-6 và Trung Quốc	CLMV
Danh mục EHP	0%	2004-2006	2004-2008
Danh mục Thông thường (NT):			
(a) NT	(0%)	2005-2010	2005-2015
(b) NT 2	(0%)	2012	2018
Danh mục nhạy cảm:			
(c) SL	0-5(%)	2012-2018	2015-2020
(d) HSL	50%	2015	2018

Nguồn: Tổng hợp từ Hiệp định thương mại hàng hóa trong ACFTA



Thuế nhập khẩu ô tô có xuất xứ từ ASEAN giảm thêm 13%, theo cam kết Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) từ ngày 1/1/2011

từ Trung Quốc; nguy cơ nhập khẩu hàng công nghiệp thải loại, lạc hậu, tiêu hao nhiều nguyên nhiên vật liệu và không thân thiện với môi trường (khi nước này quyết định loại bỏ trên 2000 doanh nghiệp lạc hậu, hiệu quả sản xuất thấp thuộc 18 ngành nghề); và áp lực cạnh tranh đối với hàng hóa Việt Nam.

Kể từ khi tham gia ACFTA đến nay, Việt Nam đã đạt được một số thành tựu đáng khích lệ, song trong công tác chuẩn bị và thực hiện ACFTA, Việt Nam vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế gây ảnh hưởng đến hiệu quả tham gia ACFTA. Bên cạnh đó, mặc dù được hưởng lợi thế của nhóm các nước CLMV nhưng Việt Nam chưa tận dụng được nhiều cơ hội mà Hiệp định này mang lại, trái lại đang chịu nhiều áp lực cạnh tranh mạnh đối với các hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc và các nước ASEAN, đặc biệt là ASEAN-5 (bao gồm Ấn Độ, Malaixia, Philippin, Thái Lan và Singapore). Việt Nam đã có

một số biện pháp, chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy việc thực hiện ACFTA song vẫn chưa được thực hiện, hoặc thực hiện nhưng ở mức thấp khiến việc tham gia ACFTA đang ở thế bị động.

Triển vọng thương mại hàng hóa Việt Nam năm 2015 trong bối cảnh ACFTA

Triển vọng thương mại nói chung, thương mại hàng hóa nói riêng của Việt Nam phụ thuộc chủ yếu vào triển vọng kinh tế thế giới. Việc tham gia và tham gia đầy đủ, toàn diện vào các hiệp định thương mại song phương và đa phương, đặc biệt là ACFTA một mặt sẽ mang đến cơ hội góp phần thúc đẩy thương mại giữa Việt Nam và các đối tác, mặt khác đem lại những thách thức tạo nên bức tranh có những khoảng sáng và tối đối với triển vọng thương mại hàng hóa. Nghiên cứu số liệu thống kê của Liên Hiệp quốc và Tổng Cục thống kê cho thấy khi Việt Nam chưa

chuẩn bị tốt thì việc tham gia đầy đủ vào ACFTA sẽ mang đến nhiều nguy cơ đe dọa hơn là cơ hội, càng tham gia sâu vào ACFTA, thâm hụt thương mại của Việt Nam càng lớn, nền kinh tế của Việt Nam càng bị đe dọa. Mặc dù có lợi thế hơn Trung Quốc và các nước ASEAN-6 trong lộ trình cắt giảm thuế quan, nhưng Việt Nam chưa tận dụng được cơ hội và các lợi thế của mình khiến hàng hóa của Trung Quốc và các nước ASEAN, đặc biệt là ASEAN-5 đã, đang và sẽ tràn ngập thị trường, đe dọa sự sống còn của các doanh nghiệp và gần 4 triệu hộ kinh doanh cá thể. Việt Nam chủ yếu xuất hàng sơ cấp có giá trị gia tăng thấp và nhập khẩu chủ yếu là hàng công nghiệp có trình độ công nghệ trung bình và thậm chí là thấp, hàng hóa dựa vào khai thác tài nguyên và có giá trị gia tăng thấp khiến tình trạng nhập siêu ngày càng trầm trọng.

Triển vọng của kinh tế thế giới từ nay đến năm 2015 có nhiều khả năng mở ra cơ hội phát triển thuận lợi hơn cho quá trình phát triển kinh tế nói chung và xuất nhập khẩu nói riêng của Việt Nam. Tuy nhiên, trong quan hệ thương mại quốc tế, nhập siêu của Việt Nam có xu hướng ngày càng cao, kéo dài đặc biệt là kể từ khi thực hiện ACFTA.

Về xuất khẩu, kể từ khi Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới đến nay, nền kinh tế không ngừng tăng trưởng và phát triển, cùng với kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam cũng tăng trưởng không ngừng, trong

đó giá trị xuất khẩu của nhóm hàng công nghiệp có xu hướng tăng trưởng ngày càng cao, đặc biệt là kể từ sau năm 2003 (năm bắt đầu thực hiện ACFTA). Cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam qua các giai đoạn trước khi thực hiện ACFTA (trước năm 2004) và kể từ năm 2004 đến năm 2008, luôn ở thế nhập siêu. Kim ngạch nhập siêu có xu hướng ngày càng tăng mạnh và nhập siêu nhóm hàng công nghiệp ngày càng trầm trọng là nguyên nhân gây ra tình trạng nhập siêu kéo dài của Việt Nam.

Việt Nam xuất khẩu chủ yếu là hàng sơ cấp (40% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam) và hàng có trình độ công nghệ thấp (40% tổng KNXK), có giá trị gia tăng thấp và có xu hướng ngày một tăng mạnh.

Đối với nhập khẩu, tất cả các mặt hàng nhập khẩu đều có xu hướng tăng và tăng mạnh kể từ năm 2006, một năm sau khi Việt Nam thực hiện lộ trình cắt giảm thuế đối với nhóm hàng thông thường trong khuôn khổ ACFTA, trong đó nhóm hàng có trình độ công nghệ trung bình chiếm tỷ trọng lớn nhất (khoảng 34% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam), tiếp đó là nhóm hàng hóa dựa vào khai thác tài nguyên (khoảng 24%).

Xét cán cân thương mại hàng hóa, Việt Nam chủ yếu nhập siêu nhóm hàng có trình độ công nghệ trung bình ở mức cao nhất sau đó là nhóm hàng dựa vào khai thác tài nguyên nhưng thặng dư thương mại chủ yếu là nhóm hàng sơ cấp, tiếp đến là

nhóm hàng có trình độ công nghệ thấp. Do đó, có thể nhập khẩu những mặt hàng đã qua chế biến từ chính những nguyên liệu của chúng ta đã xuất khẩu. Việt Nam xuất khẩu những mặt hàng có giá trị gia tăng thấp và hàm lượng kỹ thuật thấp song lại nhập khẩu những mặt hàng có giá trị gia tăng cao và có trình độ công nghệ cao hơn. Hai nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng trên bao gồm: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam chủ yếu là để khai thác thị trường Việt Nam và tìm kiếm chi phí sản xuất thấp. *Nếu trừ lĩnh vực khai thác dầu thô ra, 25 năm qua khối doanh nghiệp có vốn FDI luôn trong tình trạng nhập siêu.* Điều này cho thấy, khối doanh nghiệp FDI sản xuất ra hàng hóa chủ yếu để tiêu thụ trong nước trong khi khối này nhập khẩu máy móc thiết bị cũng như nguyên nhiên vật liệu đầu vào lớn; Hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam (bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn FDI và doanh nghiệp tư nhân trong nước) có hiệu quả hoạt động rất thấp, chỉ đạt khoảng 30% mức hiệu quả tối ưu, chưa tận dụng được lợi thế kinh tế quy mô và nhiều doanh nghiệp sử dụng nguồn lực đầu vào lãng phí. Đây là hai trong những lý do chính khiến thâm hụt thương mại của Việt Nam luôn là một vấn đề cố hữu của nền kinh tế và khi xuất khẩu tăng thì nhập khẩu càng tăng và thậm chí còn tăng ở mức cao hơn.

Các nước ASEAN khác và Trung Quốc đã trở thành những đối tác thương mại lớn Việt Nam với tổng kim ngạch

thương mại hai chiều ngày càng tăng và tăng mạnh kể từ khi bắt đầu thực hiện ACFTA, và vượt xa các đối tác thương mại quan trọng khác như Mỹ, EU, Nhật Bản...

Xét trên giác độ nhập khẩu hàng hóa, ASEAN và Trung Quốc là hai đối tác lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch nhập khẩu ngày càng tăng mạnh, đặc biệt là sau khi ACFTA bắt đầu có hiệu lực. Trong khi thặng dư thương mại hàng hóa của Việt Nam tại các thị trường lớn như Mỹ, EU25 và Nhật Bản tăng từ năm 2002 thì tại các thị trường lớn khác như Trung Quốc (không kể Hồng Kông) và ASEAN-5 thâm hụt thương mại hàng hóa của Việt Nam tăng mạnh kể từ năm 2005 (năm thứ 2 thực hiện ACFTA) trở đi. Đây được cho là nguyên nhân chủ yếu khiến thâm hụt thương mại hàng hóa của Việt Nam có xu hướng tăng từ năm 2006.

Triển vọng thương mại hàng hóa Việt Nam với Trung Quốc và ASEAN

Đối với Trung Quốc, việc tham gia ACFTA của Việt Nam bước đầu đã có những tác động tích cực đến không chỉ kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam mà cả đến sự thay đổi cơ cấu hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, Việt Nam chưa tận dụng được lợi thế của nhóm CLMV đối với nhóm hàng theo EHP và nhóm hàng thông thường, tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc chưa xứng tầm so với tiềm năng.

Xét về giá trị, kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp

của Việt Nam sang Trung Quốc tăng không ngừng song ở mức rất khiêm tốn, trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp của Trung Quốc sang Việt Nam tăng mạnh hơn rất nhiều (chiếm khoảng 25% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng công nghiệp của Việt Nam từ thế giới).

Xét cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc theo nhóm hàng, nhóm hàng công nghiệp có mức thâm hụt thương mại cao nhất và được coi là nguyên nhân duy nhất gây ra tình trạng nhập siêu cao của Việt Nam từ thị trường này.

Cơ cấu xuất khẩu hàng hóa theo trình độ công nghệ, Việt Nam xuất sang Trung Quốc phần lớn là hàng hóa sơ cấp, hàng hóa dựa vào khai thác tài nguyên và hàng hóa có trình độ công nghệ thấp ($P+R+LT$) (chiếm khoảng 90% tổng KNXX sang Trung Quốc). Điều này phần nào cho thấy việc tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu của Việt Nam không có nhiều cải thiện kể từ khi tham gia ACFTA.

Xét cơ cấu hàng nhập khẩu theo trình độ công nghệ, điều đáng chú ý là nhóm hàng dựa vào khai thác tài nguyên có mức tăng trưởng tương đối cao, lớn hơn rất nhiều so với kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam về nhóm hàng này sang Trung Quốc (năm 2006 gấp 2 lần, 2008: gấp 3 lần).

Đến đây có thể nhận thấy, càng tham gia vào ACFTA, Việt Nam càng nhập khẩu nhiều hàng công nghệ trung bình và công nghệ thấp từ Trung Quốc và xuất khẩu chủ yếu hàng sơ

cấp sang Trung Quốc.

Với ưu điểm hàng hóa giá rẻ, thâm nhập vào hầu hết các phân khúc thị trường ở Việt Nam, nhất là thị trường vùng nông thôn, việc tham gia càng sâu vào ACFTA sẽ khiến bất ổn vĩ mô của Việt Nam ngày càng lớn. Bên cạnh đó, hiện nay Trung Quốc không còn là nhà sản xuất hàng hóa hàng loạt với công nghệ thấp nữa mà đang chuyển nhanh lên chuỗi giá trị sản xuất các hàng hóa có kỹ năng và công nghệ cao và đang trở thành trung tâm chế tác của thế giới. Điều này đe dọa các nền kinh tế ASEAN, đặc biệt là Việt Nam khi nền kinh tế thành công chủ yếu dựa trên việc sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm tới các nước trên thế giới. Điều quan trọng cần được xem xét ở đây là Trung Quốc không phải là quốc gia nắm giữ công nghệ nguồn và nhất là nhóm hàng hóa này chủ yếu do các xí nghiệp địa phương của Trung Quốc sản xuất. Bên cạnh đó, trong quan hệ thương mại với Trung Quốc, nếu tất cả các giao dịch thương mại hai chiều chỉ được thực hiện bằng đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc và tiền Đồng của Việt Nam thì nguy cơ rối loạn thị trường tiền tệ của Việt Nam sẽ có khả năng xảy ra khi Trung Quốc giữ lượng lớn tiền Đồng của Việt Nam (do thâm hụt thương mại) thay vì mua trái phiếu chính phủ như đã và đang từng làm với khoản thặng dư thương mại với Mỹ.

Đối với các nước ASEAN, nhất là các nước ASEAN-5 có tác động mạnh nhất đến thương mại Việt Nam, thương mại hai

chiều của Việt Nam với thị trường nhóm các nước này đều có xu hướng tăng và tăng mạnh kể từ khi ACFTA có hiệu lực.

Xét trên khía cạnh xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường nhóm các nước ASEAN-5 ta thấy kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam ngày càng có xu hướng tăng song về giá trị thì vẫn ở mức khá khiêm tốn. Cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam sang từng nước ASEAN-5 là rất khác nhau và thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam sang các nước này chủ yếu dưới dạng hàng phế phẩm quặng và nguyên liệu thô và nhóm hàng nông sản và nông sản chế biến.

Về nhập khẩu hàng hóa chung từ ASEAN-5, trừ nhóm hàng nông phẩm chưa qua chế biến, tất cả các nhóm hàng khác đều có kim ngạch nhập khẩu có xu hướng tăng, tăng mạnh và lớn hơn rất nhiều so với kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang ASEAN-5, trong đó nhập khẩu nhóm hàng công nghiệp có mức tăng và kim ngạch lớn nhất (10,5 tỷ USD vào năm 2008). Điều này cũng cho thấy càng gia nhập sâu vào ACFTA, thâm hụt thương mại của Việt Nam từ thị trường ASEAN-5 càng lớn.

Xét cán cân thương mại của Việt Nam với ASEAN-5 theo nhóm hàng hóa, chỉ có nhóm hàng NP&NPCB có thặng dư thương mại tăng do xuất khẩu hàng nông phẩm chưa qua chế biến mang lại, nhưng mức thặng dư rất khiêm tốn. Trong khi đó hai nhóm hàng còn lại là phế phẩm quặng và nguyên liệu thô (chủ yếu là phế phẩm quặng) và nhóm hàng công

ngành có mức thâm hụt thương mại ngày càng cao kể từ năm 2004, trong đó nhóm hàng công nghiệp có mức thâm hụt cao nhất.

Quan hệ thương mại Việt Nam với các nước ASEAN-5 cũng tương tự như đối với Trung Quốc, nhập khẩu của Việt Nam từ các thị trường này cũng chủ yếu là hàng công nghiệp và có kim ngạch lớn hơn rất nhiều kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam sang các nước này.

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang ASEAN-5 có ưu điểm hơn so với sang Trung Quốc. Tổng KNKK hàng hóa của Việt Nam sang ASEAN-5 lớn gấp 1,8 lần sang Trung Quốc. Nhóm hàng sơ cấp, nhóm hàng dựa vào khai thác tài nguyên và sản phẩm hàng hóa có trình độ công nghệ thấp (P+R+LT) chiếm khoảng 80% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang ASEAN-5 (đạt 6,6 tỷ USD vào năm 2008) so với mức khoảng 90% của nhóm hàng này xuất sang Trung Quốc. Mặc dù vậy nhóm hàng này xuất sang ASEAN-5 vẫn có xu hướng ngày càng tăng mạnh và tăng mạnh nhất

Tình hình và cơ cấu nhập khẩu hàng hóa theo trình độ công nghệ của Việt Nam từ ASEAN-5 cho thấy nhóm hàng dựa vào khai thác tài nguyên có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất và có xu hướng tăng mạnh nhất kể từ năm 2004. Trong nhóm hàng này, nhóm các hàng nông, lâm thủy sản đã qua chế biến chiếm tỷ trọng cao. Điều này cho thấy các nước ASEAN-5 tận dụng cơ hội của chương trình

EHP tốt hơn Việt Nam, thay vì xuất hàng tươi sống họ đã chuyển sang chế biến để xuất khẩu sang Việt Nam; Nhóm hàng thứ hai có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu cao là nhóm có trình độ công nghệ trung bình tăng từ 860 triệu USD vào năm 1997 lên mức 1.897 triệu USD vào năm 2003 và 5.120 triệu USD vào năm 2008. Như vậy có thể nhận thấy nhập khẩu từ ASEAN-5 chủ yếu là 2 nhóm hàng này.

Một số giải pháp nhằm thúc đẩy thương mại Việt Nam trong bối cảnh ACFTA

Thứ nhất, giải pháp về hành lang pháp lý

Xây dựng chiến lược trung và dài hạn nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại Việt Nam trong khuôn khổ ACFTA. Chính phủ cần nghiên cứu những tiềm năng của Việt Nam, xu thế, chiến lược và chính sách phát triển kinh tế cũng như thương mại của Trung Quốc, các nước ASEAN và toàn cầu để đưa ra được những kế hoạch trung và dài hạn nhằm định hướng cho các doanh nghiệp, bộ, ngành và địa phương thực hiện chuyển hướng đầu tư, tập trung sản xuất những hàng hoá mà Việt Nam có thế mạnh hoặc những mặt hàng phù hợp với thị trường Trung Quốc, ASEAN và những hàng hoá mà các nước khác sẽ mua lại tại các thị trường này, tránh tình trạng sản xuất theo phong trào, theo cảm tính.

Xây dựng và thực hiện một cách hiệu quả và đồng bộ chiến lược về phát triển khoa học công

nghệ. Chính phủ cần có những quy định cụ thể về việc nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ sản xuất trong nước, đặc biệt cần chú trọng đến những công nghệ nguồn từ các nước Mỹ, Nhật... để tạo bước đột phá về mặt công nghệ và làm tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và của cả nền kinh tế. Cấm hoặc hạn chế tới mức tối đa việc nhập khẩu những công nghệ lạc hậu tiêu hao nhiều nguyên nhiên vật liệu đầu vào và không thân thiện với môi trường. Đồng thời trợ giúp doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ dàng tiếp cận dụng để đổi mới trang bị máy móc thiết bị hiện đại.

Xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy có liên quan đến xuất khẩu/nhập khẩu hàng hóa. Trước hết Chính phủ cần chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật hải quan theo hướng hiện đại, đồng bộ, tuân thủ chủ trương về cải cách thủ tục hành chính và các chuẩn mực, cam kết quốc tế. Đồng thời đổi mới cơ chế đấu thầu đảm bảo đầy đủ các tiêu chí không chỉ về giá mà cả các yêu cầu chặt chẽ về tiêu chuẩn và chất lượng thiết bị cũng như tiến độ thực hiện công trình để loại bỏ những gói thầu kém chất lượng và nhập khẩu vào Việt Nam những máy móc thiết bị giá rẻ nhưng lạc hậu, chất lượng thấp, không thân thiện với môi trường.

Thiết lập hàng rào phi thuế quan đúng quy chuẩn để bảo hộ nền sản xuất trong nước. Đây được coi là nhiệm vụ cấp bách nhất của Chính phủ trong giai đoạn hiện nay để đảm bảo

hàng hoá trong nước phát triển, cạnh tranh lành mạnh với hàng ngoại nhập.

Thứ hai, giải pháp về cải thiện cơ cấu hàng xuất nhập khẩu và giảm nhập siêu

Xây dựng cơ cấu xuất khẩu hiện đại. Chính phủ cần có biện pháp chính sách phù hợp và kịp thời để tập trung đầu tư, đặc biệt là lựa chọn và thu hút FDI vào lĩnh vực sản xuất hàng công nghiệp, chế biến để nâng cao tỷ trọng hàng công nghiệp và hàng hóa dựa vào khai thác tài nguyên, mặt hàng có giá trị gia tăng cao trong cơ cấu hàng xuất khẩu và mở rộng xuất khẩu sang các nước tham gia ACFTA, đồng thời nâng cao chất lượng hàng hóa xuất khẩu đáp ứng nhu cầu đa dạng của người mua và hạn chế việc nhập khẩu những hàng hóa chế biến từ những nguyên liệu sẵn có trong nước.

Chính phủ tập trung vào việc thu hút các tập đoàn lớn, các công ty đa quốc gia (MNCs) và xuyên quốc gia (TNCs) đầu tư vào Việt Nam, chú trọng những tập đoàn, MNCs và TNCs có khả năng phát triển ngành công nghiệp phụ trợ Việt Nam hoặc những doanh nghiệp có khả năng trở thành nhà cung ứng hàng hóa chế tác đầu vào cho ngành công nghiệp lắp ráp của Trung Quốc.

Song hành với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng ở các khu vực biên giới, nhất là biên giới Việt Trung bao gồm các các trung tâm thương mại, chợ biên giới, đường tuần tra biên giới, chợ cửa khẩu... cần tăng cường lực lượng làm công tác chống buôn lậu.

Thứ ba, giải pháp về nâng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam và của nền kinh tế

Nâng cao chất lượng hàng hóa trong nước. Song song với việc thiết lập một hàng rào kỹ thuật để bảo vệ hàng hóa nội địa. Chính phủ cần xem xét và điều chỉnh tiêu chuẩn chỉ tiêu chất lượng và môi trường đối với hàng tiêu dùng trong nước để nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của các hàng hóa của Việt Nam. Chú trọng đến việc tái cấu trúc doanh nghiệp theo hướng hiệu quả, đổi mới công nghệ, cắt giảm chi phí để một mặt nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa sản xuất ra. Có chính sách tốt để đảm bảo nguồn cung đầu vào trong nước, mặt khác làm giảm giá thành sản phẩm để có thể cạnh tranh được với các doanh nghiệp khác trên thị trường trong nước và trên thị trường các nước tham gia ACFTA.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Cả Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam cần phải có những giải pháp thỏa đáng để nâng cao hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả kỹ thuật thuần túy, hiệu quả quy mô và quản lý tốt vấn đề tắc nghẽn trong sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, của ngành và cả nền kinh tế, đồng thời làm tăng giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, cho ngành và cho tăng trưởng GDP của cả nền kinh tế. Cụ thể là có những giải pháp quyết liệt và thỏa đáng để cải thiện và nâng cao chất lượng các yếu tố nội tại doanh nghiệp như đổi

mới công nghệ và máy móc thiết bị, nâng cao kỹ năng của người lao động, và trình độ quản lý doanh nghiệp cũng việc tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh.

Thứ tư, giải pháp về xúc tiến thương mại và tìm kiếm mở rộng thị trường

Chính phủ cần triển khai các chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm một cách hiệu quả, đúng địa bàn và đúng đối tượng. Cần thường xuyên cung cấp thông tin thương mại giữa Việt Nam với ASEAN và Trung Quốc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc hội thảo, mở hội nghị tư vấn các nhà xuất khẩu, tổ chức hội chợ triển lãm giới thiệu hàng Việt Nam, ASEAN và Trung Quốc tại các thành phố lớn, các địa phương biên giới của Việt Nam đồng thời phối hợp với các hiệp hội ngành hàng, các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp... Phát triển hệ thống các cơ quan thương vụ ở Trung Quốc và các nước ASEAN để giúp các doanh nghiệp Việt Nam thúc đẩy xuất khẩu hàng hoá sang các thị trường này. Các cơ quan này làm nhiệm vụ cung cấp thông tin về pháp luật, thị trường của Trung Quốc và các nước ASEAN cho các doanh nghiệp trong nước như thông tin về chính sách, luật pháp kinh tế, chính sách mậu dịch biên giới, xu hướng và thị hiếu của người tiêu dùng để các doanh nghiệp trong nước có thể khai thác tốt thế mạnh của mình cũng như những cơ hội mà ACFTA đem đến. □